**100 TRUYỆN NGẮN TIẾNG ANH CÓ AUDIO (Phần 2)**

**31. Practicing Drawing – Tập vẽ**

I am practicing drawing. I practice drawing every Saturday and Sunday. My teacher shows me new things. I know how to draw people, animals, and objects now. I always want to get better, so I practice every day. My parents always tell me that I am a good artist. They think I can do it as a job.

----

*Tớ đang tập vẽ.Tớ tập vẽ vào thứ bảy và chủ nhật hàng tuần. Cô giáo dạy cho tớ nhiều điều mới lạ. Hiện tại, tớ đã biết vẽ người, những con vật và đồ vật. Tớ luôn muốn mình vẽ đẹp hơp nên tớ luyện tập mỗi ngày. Bố mẹ luôn nói rằng tớ là một họa sĩ giỏi. Họ nghĩ tớ có thể vẽ như nó chính là một công việc của tôi.*

**32. A Day for Ice Cream – Ngày ăn kem**

It is a sunny day. She feels hot. She fans herself with a book. It is still hot. She turns on the air conditioner. It is still hot. She jumps into a pool. It is still hot. Her dad has an idea! He takes her to the ice cream shop. They share a banana split. She does not feel hot anymore.

----

*Trời hôm nay nắng. Cô ấy cảm thấy nóng. Cô ấy dùng một quyển sách để quạt mát cho mình. Cô ấy vẫn cảm thấy nóng. Cô bật điều hòa nhiệt độ. Vẫn nóng. Cô ấy nhảy xuống một cái hồ. Vẫn nóng. Bố cô ấy có một ý tưởng. Ông ấy đưa cô tới một cửa hàng kem. Hai người cùng nhau ăn kem thuyền chuối. Cô ấy không còn cảm thấy nóng nữa.*

**33. Taking Tests – Kiểm tra**

He has a test tomorrow. He does not want to study. Instead, he plays video games. The next day, he takes the test. It is very hard. He does not know anything. He turns in his test blank. The teacher scolds him and gives him an "F."

----

*Cậu ấy có một bài kiểm tra vào ngày mai. Cậu ấy không học bài. Thay vì vậy, cậu ấy chơi điện tử. Ngày hôm sau, cậu ấy làm bài kiểm tra. Bài kiểm tra rất khó. Cậu ấy không biết gì cả. Cậu ấy bỏ bài trắng. Cô giáo la mắng và cho cậu ấy điểm F.*

**34. Helen is Busy – Helen bận rộn**

Helen wants to do well on the math test tomorrow. She takes out her book and studies. Her brother then comes into her room. He starts making loud noises. Helen yells at him. Her mother then comes into her room. She asks Helen to cook dinner. Helen yells at her. Helen finally tells her family that she is busy.

----

*Helen muốn làm tốt bài kiểm tra toán vào ngày mai. Cô ấy lấy sách ra và học bài. Em trai cô ấy vào phòng. Cậu bé bắt đầu làm ồn. Helen la em. Mẹ bước vào phòng. Bà ấy nói Helen đi nấu bữa tối. Helen hét lên với mẹ. Cuối cùng thì Helen nói với cả nhà rằng cô đang rất bận.*

**35. Messing Up – Làm bẩn**

He pours a glass of soda for himself. He accidentally spills some on his shirt. Oh no! His mom will get mad. His shirt is very expensive. He tries to clean it up. He pours water on it. He uses a stain remover. He takes the shirt to a dry cleaner's. Nothing works.

----

*Cậu ấy rót cho mình một ly soda. Cậu ấy vô tình làm đổ một ít soda lên áo. Không! Mẹ cậu ấy sẽ nổi giận. Chiếc áo của cậu ấy rất đắt. Cậu ấy cố gắng làm sạch chiếc áo. Cậu ấy đổ nước lên áo. Cậu ấy dùng chất tẩy vết bẩn. Cậu mang chiếc áo tới thợ tẩy quần áo. Vết bẩn vẫn không sạch.*

**36. Introducing Myself – Giới thiệu bản thân**

I am a new student in school. I tell the class about myself. I am from Canada, but now I live in Nevada. I live with my mom, dad, and brother. My brother is five years younger than me. Music is very important to me. I like to sing and dance. I also play the saxophone. One day, I hope to be a music teacher.

----

*Tớ là học sinh mới của trường. Tớ giới thiệu bản thân mình với cả lớp. Tớ đến từ Canada nhưng hiện tại tớ sống ở Nevada. Tớ sống cùng mẹ, bố và em trai. Em trai nhỏ hơn tớ 5 tuổi. Âm nhạc rất quan trọng với tớ. Tớ thích hát và nhảy. Tớ cũng thích chơi kèn xắc-xô. Tớ mong muốn trở thành một giáo viên âm nhạc vào một ngày nào đó.*

**37. A Long Wait – Chờ đợi kéo dài**

The roller coaster ride is fun and fast. The line is so long. John and his friends decide to wait. John tried to find ways to pass time. He taps his foot for ten minutes. Then, he plays games on his phone. Later, he tells his friends jokes. Two hours pass. The boys are still in line.

-----

*Đi tàu lượn siêu tốc rất thú vị và nhanh. Đường đi rất dài. John và bạn bè của mình quyết định đợi. John cố gắng tìm cách để giết thời gian. Cậu ấy khẽ đập chân mình 10 phút. Sau đó, cậu ấy chơi trò chơi trên điện thoại. Một lát sau, cậu ấy kể cho bạn của mình những câu chuyện cười. 2 giờ đồng hồ trôi qua. Những cậu bé vẫn đang trên đường đi.*

**38. The Teacher Takes Away His Phone – Thầy giáo thu điện thoại**

Mr. Brown's lectures are boring. A student looks up at Mr. Brown to check what he is doing. Mr. Brown is writing something on the board. The student takes out his phone. He starts playing games. Mr. Brown walks over to his desk. Mr. Brown takes the student's phone away. He is in trouble.

----

*Bài giảng của thầy Brown chán ngắt. Một học sinh ngước lên nhìn thầy Brown để xem thầy đang làm gì. Thầy Brown đang viết cái gì đó trên bảng. Học sinh này lấy ra chiếc điện thoại của mình. Cậu ta bắt đầu chơi trò chơi. Thầy Brown đi tới bàn của cậu. Thầy Brown tịch thu chiếc điện thoại. Cậu học sinh gặp rắc rối.*

**39. No One Likes the Flu – Không ai thích bị cúm**

He is sick. He goes to the doctor. The doctor give him some medicine. He is still sick after one week. His mom tells him to go to sleep. He lies in bed all day. He rests. He drinks chicken soup and eats vegetables. He is still sick. No one likes the flu.

----

*Cậu ấy bị ốm. Cậu ấy đi khám bác sĩ. Bác sĩ cho cậu ấy thuốc. Cậu ấy vẫn ốm tới một tuần sau. Mẹ của cậu ấy bảo cậu đi ngủ. Cậu ấy nằm trên giường cả ngày. Cậu ấy nghỉ ngơi. Cậu ấy ăn súp gà và rau xanh. Cậu ấy vẫn ốm. Không ai thích bị cúm cả.*

**40. The Circus – Rạp xiếc**

She goes to the circus. She sees a clown. He is very colorful. She sees magicians. They take rabbits out of hats. She sees people walking on rope up in the air. She sees people juggling balls. She sees a lot of animals too. There are lions that jump through hoops of fire. There are elephants that dance. She never wants to leave the circus.

----

*Cô bé đi tới rạp xiếc. Cô bé nhìn thấy một chú hề. Chú hề nhiều màu sắc. Cô bé nhìn thấy nhiều nhà ảo thuật. Họ đưa những chú thỏ ra khỏi những chiếc mũ. Cô bé nhìn thấy người đi bộ trên sợi dây trên cao. Cô bé thấy người tung hứng những quả bóng. Cô bé thấy rất nhiều con vật. Có những chú sư tử nhảy qua chiếc vòng lửa. Có những chú voi nhảy múa. Cô bé không muốn rời khỏi rạp xiếc.*

**41. An Unhealthy Boy – Cậu bé ốm yếu**

He is fat. He only eats red meat, chips, and candy. His parents worry about him. They ban him from eating fattening foods. They cook healthy meals only from now on. They eat oatmeal for breakfast. They eat fish, carrots, and vegetables for lunch. They eat chicken and salad for dinner.

----

*Cậu bé mập mạp. Cậu chỉ ăn thịt tươi, khoai tây chiên và kẹo. Bố mẹ cậu lo lắng. Họ cấm cậu bé ăn các loại thực phẩm gây béo. Từ bây giờ, họ nấu những bữa ăn tốt cho sức khỏe. Bữa sáng họ ăn cháo bột yến mạch. Bữa trưa họ ăn cá, cà rốt và rau xanh. Bữa tối họ ăn gà và salad.*

**42. Ferris Wheel**

A ferris wheel is a huge rotating wheel. It has many seats. He sits on one of them. His seat is yellow. He is excited. He puts his seatbelt on. He holds on to the metal bar. He wants to be safe. The wheel moves. He starts to go up higher and higher. He looks down. The people are so small. The view is so nice.

----

*Vòng đu quay là một vòng xoay khổng lồ. Vòng đu quay có nhiều ghế ngồi. Cậu bé ngồi vào một ghế. Chiếc ghế cậu ngồi màu vàng. Cậu bé rất hào hứng. Cậu bé cài dây an toàn. Cậu bé nắm tay vào một thanh kim loại. Cậu bé cần đảm bảo an toàn. Vòng quay chuyển động. Cậu bé dần dần lên cao. Cậu bé nhìn xuống dưới. Mọi người rất nhỏ bé. Quang cảnh thì tuyệt đẹp.*

**43. More Money – Nhiều tiền hơn nữa**

She gets an allowance from her parents. They give her $10 a week. She wants more. She asks her parents nicely. They say no. She tries to change their minds. She washes their cars. She makes them dinner. She compliments them. Her parents decide to give her a raise. She will get $15 a week.

----

*Cô ấy nhận tiền trợ cấp từ bố mẹ. Họ cho cô 10 đô la mỗi tuần. Cô ấy muốn nhiều hơn nữa. Cô ấy hỏi xin bố mẹ. Họ không đồng ý. Cô ấy cố gắng để thay đổi suy nghĩ của họ. Cô ấy rửa xe ô tô của bố mẹ. Cô ấy nấu ăn cho bố mẹ. Cô ấy khen bố mẹ. Họ quyết định tăng tiền trợ cấp cho cô ấy. Cô ấy sẽ nhận được 15 đô la mỗi tuần.*

**44. Loving Dance – Đam mê nhảy múa**

She loves to dance. She dances on her school's team. She dances after school. She loves to dance in her room. She loves to dance in the kitchen. She even loves to dance in the bathroom. Anyone can see that she is passionate. People say she is the best dancer in the world.

----

*Cô ấy đam mê nhảy múa. Cô ấy nhảy trong một nhóm ở trường. Cô ấy nhảy sau khi tan học. Cô ấy thích nhảy trong phòng của mình. Cô ấy thích nhảy trong nhà bếp. Thậm chí, cô ấy thích nhảy ở trong nhà tắm. Bất cứ ai cũng nhận thấy rằng cô ấy có niềm say mê. Mọi người nói cô ấy là một vũ công tuyệt nhất trên thế giới.*

**45. A Fun Sleepover – Ngủ lại nhà bạn rất thú vị**

She sleeps over at a friend's house. They do a lot of fun activities. They fight with their pillows. They roast marshmallows over a fire. They sing songs. They watch movies. The movies are funny. They eat popcorn while they watch. They braid each other's hair. They use sleeping bags. They fall asleep.

-----

*Cô ấy ngủ lại qua đêm ở nhà một người bạn. Họ làm rất nhiều hoạt động thú vị. Họ dùng gối để đánh nhau. Họ nướng kẹo dẻo trên lửa. Họ hát. Họ xem phim. Những bộ phim khôi hài. Họ ăn bỏng ngô trong khi xem. Họ tết tóc cho nhau. Họ dùng túi ngủ. Họ ngủ thiếp đi.*

**46. Apology – Xin lỗi**

He does not like school. He hates his teachers. He hates learning. He hates his classmates. He picks on them. He bothers them. He rips up their homework. He steals their lunch money. One day, his teacher sees him being mean. She yells at him. She makes him say sorry to his classmates.

----

*Cậu bé không thích đi học. Cậu bé không thích thầy cô giáo của mình. Cậu bé không thích việc học. Cậu bé không thích những người bạn cùng lớp. Cậu bé trêu chọc bạn bè. Cậu bé làm phiền các bạn. Cậu bé xé bài tập về nhà của các bạn. Cậu bé ăn cắp tiền ăn trưa của các bạn. Một ngày nọ, cô giáo cư xử không tốt với các bạn. Cô mắng cậu bé. Cô giáo yêu cầu cậu bé xin lỗi các bạn của mình.*

**47. Glass of Milk on the Desk – Ly sữa ở trên bàn**

A glass of milk is on the desk. It is near the edge. The child looks at the milk. The child wants to drink it. The cat looks at the milk. The cat wants to drink it too. They both walk towards the desk. The cat is faster. It jumps on the desk. The glass of milk tips over. The milk is all over the floor.

*Có một ly sữa ở trên bàn. Ly sữa ở sát mép bàn. Đứa bé nhìn ly sữa. Đứa bé muốn uống. Con mèo nhìn thấy ly sữa. Con mèo cũng muốn uống ly sữa. Cả hai đi tới bàn. Chú mèo đi nhanh hơn. Nó nhảy lên bàn. Ly sữa bị lật. Sữa đổ khắp sàn nhà.*

**48. A Simple Gift – Món quà đơn giản**

He wants to get something for his teacher. He has no money though. He gets creative. He goes to his backyard. He looks at his rose bush. He cuts a nice, red one. He puts it in a vase. He pours some water in the vase. His gift is complete.

*Cậu bé muốn dành tặng một cái gì đó cho cô giáo của mình. Nhưng cậu bé không có tiền. Cậu bé rất sáng tạo. Cậu bé đi sang sân sau. Cậu bé trông thấy một bụi hoa hồng. Cậu bé cắt một bông hồng đỏ thật đẹp. Cậu bé cắm bông hồng vào một lọ hoa. Cậu bé đổ một chút nước vào trong lọ hoa. Món quà của cậu bé đã chuẩn bị xong.*

**49. Hide and Seek – Chơi trốn tìm**

John covers his eyes. Sandra finds a place to hide. John counts to ten. At "ten," he opens his eyes. He tries to find Sandra. He walks around their room. He checks the kitchen. He checks under the bed. He checks the laundry room. He does not find her yet. Sandra is in their parents' room.

*John bịt hai mắt lại. Sandra tìm nơi trốn. John đếm tới 10. Đến 10, cậu bé mở mắt ra. Cậu bé cố gắng đi tìm Sandra. Cậu bé đi quanh phòng. Cậu kiểm tra trong nhà bếp. Cậu kiểm tra dưới gậm giường. Cậu bé kiểm tra trong phòng giặt là quần áo. Cậu bé vẫn không tìm thấy Sandra. Sandra đang ở trong phòng ngủ của bố mẹ.*

**50. Excited for the Mail – Háo hức chờ thư**

The boy waits for the mailman. A package is supposed to come today. He sits by the window. He sees the mailman walking. He goes outside. He says hello to the mailman. The mailman gives him the package. They say good-bye to each other. The boy goes back to his house.

*Cậu bé đợi người đưa thư. Một bưu kiện sẽ được gửi đến trong ngày hôm nay. Cậu bé ngồi bên cửa sổ. Cậu bé nhìn thấy người đưa thư đang đi tới. Cậu bé đi ra ngoài. Cậu bé chào người đưa thư. Người đưa thư đưa cho cậu bé bưu kiện. Hai người chào tạm biệt nhau. Cậu bé quay trở vào nhà.*

**51. Having Fun on a Swing – Niềm vui với chiếc xích đu**

Michael and his grandmother go to the park's playground. There are so many things to do. Michael runs over to the swing set. He sits on a swing. He kicks the ground. His legs are in the air. His grandmother pushes him. He is even higher! He feels like he can touch the sky.

*Michael và bà đi tới sân chơi ở công viên. Có rất nhiều thứ để chơi. Michael chạy qua bộ xích đu. Cậu bé ngồi lên chiếc xích đu. Cậu bé đá chân lên mặt đất. Chân của cậu ở trên không. Bà đẩy cậu bé. Cậu bé bay lên cao hơn. Cậu thấy giống như cậu có thể chạm tới bầu trời vậy.*

**52. He Walks His Dogs – Cậu bé đi bộ cùng những chú chó của mình**

Brian has three dogs. The first one is black. The second one is brown. The third one is gray. The black dog is very big. The brown dog is medium-sized. The gray dog is very small. Brian loves all of them. He walks with his dogs at the park. The dogs enjoy it. They always seem happy when they are walking.

*Brian có 3 chú chó. Chú chó đầu tiên có màu đen. Chú chó thứ 2 có màu nâu. Chú chó thứ 3 có màu xám. Chú chó màu đen rất to. Chú chó màu nâu lớn trung bình. Chú chó xám rất bé. Brian yêu cả 3 chú chó. Cậu đi bộ với những chú chó của mình ở công viên. 3 chú chó cũng thích thú. Chúng dường như luôn luôn vui vẻ khi chúng đi bộ.*

**53. A Pencil for Everything – Cây bút chì dùng cho mọi việc**

She has a pencil. It is four inches long. It is shiny and pink. It has an eraser on one end. It even has her name on it. She uses her pencil for everything. She uses it to write letters. She uses it to do her homework. She uses it on her tests.

*Cô bé có một cây bút chì. Cây bút chì dài 4 inch. Nó bóng và có màu hồng. Nó có một cục tẩy ở đuôi cây bút chì. Trên cây bút chì còn có tên của cô bé. Cô ấy dùng bút chì vào mọi việc. Cô ấy dùng nó để viết những lá thư. Cô ấy dùng nó để làm bài tập về nhà. Cô sử dụng nó cho những bào kiểm tra.*

**54. Being Careless – Bất cẩn**

Two brothers are bored. They play catch with each other inside the house. The older brother throws the ball to the younger brother. He catches it. He throws it back. The ball hits the window. The window breaks. Their mom hears the loud sound. She is mad. She takes the ball away.

*Hai anh em trai đang cảm thấy tẻ nhạt. Chúng cùng chơi ném bóng ở trong nhà. Người anh trai ném quả bóng cho người em. Cậu em trai bắt lấy quả bóng. Cậu bé ném lại cho anh trai. Qủa bóng đập vào cửa sổ. Cửa sổ bị vỡ. Người mẹ nghe thấy âm thanh lớn. Bà ấy nổi giẩn. Bà ấy đem quả bóng đi.*

**55. Fluffy the Rabbit – Chú thỏ Fluffy**

He has a pet. It is a rabbit. His rabbit's name is Fluffy. Fluffy is female. She is white. She has black eyes. She is very soft. She is playful. She weighs seven pounds. She likes to hop around the house. She likes to eat carrots. He gives Fluffy five carrots a day.

*Cậu bé có một thú cưng. Đó là một chú thỏi. Tên của chú thỏ là Fluffy. Fluffy là giống cái. Chú thỏ có màu trắng. Chú có đôi mắt đen. Lông của chú rất mềm. Chú rất ham vui đùa. Chú năng 7 pound. Chú thích nhảy quanh nhà. Chú thích ăn cà rốt. Một ngày cậu bé cho Fluffy ăn 5 củ cà rốt.*

**56. Three Friends and a Jump Rope – 3 người bạn và một sợi dây**

It is break time. The students go out to play. Three friends play with a jump rope. Elizabeth holds one end. Susan holds the other end. They stand apart from each other. They swing the rope. Maria jumps in. The rope goes over her head. She is good. She keeps jumping over the rope.

*Đó là giờ nghỉ giải lao. Học sinh chạy ra ngoài chơi. 3 học sinh chơi nhảy dây. Elizabeth cầm một đầu dây. Susan cầm đầu dây còn lại. Họ đứng cách xa nhau. Họ đưa sợi dây lên cao. Maria nhảy vào trong. Sợi dây đi qua đầu của cô bé. Cô bé rất giỏi. Cô bé tiếp tục nhảy qua sợ dây.*

**57. He Plays with the Ladybug – Cậu bé chơi với bọ rùa**

He goes outside. He sees a ladybug. The ladybug is red. It has black spots too. It has six legs. It has two wings. It is small. He puts the ladybug on his finger. It tickles! The ladybug crawls all over him. He wants to keep it. The ladybug flies away. He tries to catch it.

*Cậu bé ra ngoài. Cậu trông thấy một con bọ rủa. Con bọ rùa có màu đỏ. Nó có những chấm màu đen. Nó có 6 chân. Nó có 2 cánh. Nó nhỏ xíu. Cậu bé đặt con bọ rùa lên ngón tay. Nó thích thú. Con bọ rùa bò trên người cậu bé. Cậu bé muốn giữ nó lại. Con bọ rùa bay đi. Cậu bé cố gắng bắt nó.*

**58. The Dog That Digs – Chú chó đào bới**

The dog likes to dig. It is his favorite thing to do. He goes into his owner's house. He takes a necklace. He puts the necklace in his mouth. He runs to the backyard. He digs a hole with his paws. He puts the necklace inside. He covers the hole with dirt.

*Chú chó thích đào bới. Đó là việc làm yêu thích của chú chó. Chú chó vào nhà chủ. Chú lấy ra chiếc vòng cổ. Chú ngậm chiếc còng trong miệng. Chú chạy ra sân sau. Chú dùng móng vuốt đào một cái lỗ. Chú cho chiếc vòng cổ vào trong lỗ. Chú chó lập cái lỗ lại bằng đất.*

**59. Playing with the Monkey Bars – Chơi với những thanh xà**

She likes the monkey bars. She grabs the first bar with both hands. Her legs are swinging from the ground. She puts her right hand on the second bar. She then puts her left hand on the second bar. She continues doing this. She reaches the last bar. She jumps down. She starts over again for fun.

*Cô ấy thích chơi với những thanh xà. Cô ấy túm chặt thanh xà đầu tiên bằng cả hai tay. Chân của cô ấy đu đưa trên mặt đất. Cô ấy đặt bàn tay phải lên thanh xà thứ hai. Sau đó, cô ấy đặt bàn tay trái lên thanh xà thứ hai. Cô ấy tiếp tục thực hiện như vậy. Cô ấy tiến tới thanh xà cuối cùng. Cô ấy nhảy xuống. Cô ấy vui vẻ bắt đầu lại một lần nữa.*

**60. Playing a Doctor – Giả làm bác sĩ**

She likes to pretend she is a doctor for fun. She wears a white coat. She pretends her room is a medical office. Her dad pretends he is a patient. Her dad goes into her room. He tells her how he is feeling. He says that he keeps coughing. She tells him to drink a lot of water.

*Cô bé rất vui khi giả làm một bác sĩ. Cô bé mặc một chiếc áo khoác trắng. Cô ấy giả bộ phòng mình là một nơi khám chữa bệnh. Bố cô bé đóng giả là một bệnh nhân. Bố cô bé vào phòng cô bé. Ông nói với cô bé ông ấy đang cảm thấy như thế nào. Ông ấy nói bị ho. Cô bé nói ông ấy uống nhiều nước.*